

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST

Ngày 11/10/2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG CHÀ, TỈNH ĐIỆN BIÊN
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lò Văn Dinh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Khoàng Văn Hặc.

2. Bà Vừ Thị Sùng.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: bà Nguyễn Kim Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Chà tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Công Chấn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Chà tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 40/2019/HNGĐ-ST ngày 01/8/2019 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019. Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02/10/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị V T K - Sinh năm: 1994 - Có mặt.

Địa chỉ: Bản H C 2, xã M T H, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên. - Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh H A D - Sinh năm 1995 - Vắng mặt không có lý do.

Địa chỉ: Bản H C 2, xã M T H, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị V T K là ông Phùng Việt Hoa là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 29/01/2019, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn chị V T K trình bày:

* Về hôn nhân: Chị và anh H A D sau khi tìm hiểu một thời gian anh chị muốn được xây dựng gia đình cùng với nhau, được sự nhất trí hai bên gia đình, anh chị tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương về chung sống với nhau từ năm 2011 cho đến ngày 22/6/2015 anh chị mới đến UBND xã M T H, huyện Mường Chà, tỉnh

Điện Biên đăng ký kết hôn với nhau. Anh chị chung sống với nhau tại bản H C 2, xã M T H, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc, cho đến cuối năm 2014 anh D bạn bè rủ rê lao vào con đường nghiện chất ma túy, sau đó chị cùng với gia đình khuyên bảo nhiều lần khuyên anh D đi cai nghiện nhưng anh D không nghe, càng ngày càng nghiện càng sử dụng ma túy nhiều hơn, mỗi lần khuyên bảo anh D lại quay sang chửi bới, hàng năm anh D lại đi vay nợ tiền của người khác, đến vụ thu thóc người ta lại đến lấy thóc trừ nợ của anh D, do đó hàng năm không có đủ thóc ăn. Cho đến cuối tháng 2/2019 chị không thể chịu đựng được chị đã đưa 02 đứa con về nhà bố mẹ chị ở cho đến nay. Hiện anh chị sống ly thân không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị không còn tình cảm vợ chồng với anh D, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài và để đảm bảo cuộc sống của chị và hai đứa con, do đó chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh H A D.

* Về con chung: Chị K và anh D có 02 con chung là cháu H Đ N sinh ngày 15/11/2011 và cháu H T K L sinh ngày 28/8/2014. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng muốn được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 cháu Nhân và Linh cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Vì từ ngày anh D nghiện chất ma túy anh D không quan tâm đến cuộc sống các con, mọi chi phí sinh hoạt hàng ngày của các cháu là do một mình chị tự lo, từ ngày chị đưa các con về nhà bố mẹ để chị ở cho đến nay anh D không đưa bất cứ tài sản gì cho chị để nuôi các con.

* Về tài sản chung, riêng và công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 05/8/2019 và biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh H A D trình bày.

- Về hôn nhân: Anh và chị V T K sau khi tìm hiểu về nhau, năm 2011 anh chị tiến tới hôn nhân, tổ chức đám cưới với nhau cho đến ngày 22/6/2015 anh chị mới đến BUND xã M T H đăng ký kết hôn với nhau. Anh chị về chung sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên trong cuộc sống giữa vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng, chị K yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh là anh không nhất trí ly hôn với chị K. Vì anh còn tình cảm vợ chồng với chị K anh mong chị K suy nghĩ lại rút yêu cầu khởi kiện đoàn tụ gia đình cùng nhau nuôi dạy con chung. Nếu chị K cứ cương quyết ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị K.

* Về con chung: Anh, chị có 02 con chung là cháu H Đ N sinh ngày 15/11/2011 và cháu H T K L sinh ngày 28/8/2014. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng muốn được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nhân còn cháu H T K L giao cho chị K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành, anh không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con cùng với chị K và anh cũng không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con cùng với anh.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn V T K là ông Phùng Việt Hoa trình bày quan điểm: Cuộc hôn nhân giữa Chị V T K và anh H A D là hôn nhân hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở tự nguyện. Nhưng do anh D đua đòi, chơi bời lao vào con đường nghiện chất ma túy, từ đó giữa vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, trong cuộc sống thường xuyên xảy ra cãi nhau, cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của

chị K và các con rất khó khăn là do anh D không cùng chị K lao động sản xuất, nuôi dạy con cái cùng với chị. Vậy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, để đảm bảo cuộc sống sau này cho chị K và các con. Vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V T K. Cho chị V T K được ly hôn với anh H A D.

* Về con chung: Xét hoàn cảnh hiện tại của anh H A D và chị V T K cho thấy: Do mâu thuẫn gia đình đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đó là hiện anh chị đang sống ly thân không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, chị K đã đem cả 02 đứa con về nhà bố mẹ đẻ của chị sinh sống, mọi chi phí sinh hoạt hàng ngày của các con từ ngày anh D nghiện chất ma túy là do một mình chị tự lo. Anh D từ khi lao vào con đường nghiện chất ma túy không còn quan tâm đến cuộc sống của vợ và 02 con, từ ngày chị K đưa các con về nhà bố mẹ đẻ của chị K anh D không đưa cho chị K bất cứ một tài sản gì để chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Nguyên vọng của cháu H Đ N sau khi bố mẹ ly hôn muốn được ở mẹ.

Xét nguyện vọng của chị K sau khi ly hôn muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 cháu Nhân và Linh cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con, xét nguyện vọng của cháu H Đ N sinh ngày 15/11/2011 sau khi bố mẹ ly hôn có nguyện vọng ở với mẹ, đối với H T K L sinh ngày 18/12/2014 còn nhỏ nên chưa biết nói lên được nguyện vọng. Tuy nhiên xét hoàn cảnh của anh D hiện tại là đối tượng nghiện chất ma túy thường xuyên bỏ nhà đi chơi. Do đó đề nghị áp dụng các Điều 58; 81; 82; 83 và Điều 84 giao các cháu Nhân và Linh cho chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con cùng với chị K.

* Về tài sản chung, riêng và công nợ của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội, miễn toàn bộ án phí DSST cho chị V T K.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không vi phạm gì. Đồng thời đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51 khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V T K. Cho chị V T K được ly hôn với anh H A D.

Về con chung: Xét nguyện vọng của chị V T K và nguyện vọng của cháu H Đ N, xét hoàn cảnh của anh H A D hiện tại. Cần giao các cháu H Đ N sinh ngày 15/11/2011 và cháu H T K L sinh ngày 28/8/2014 cho chị V T K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành, anh H A D không phải cấp dưỡng nuôi con cùng với chị K theo quy định tại các Điều 58; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Anh H A D được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu cầu.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội, miễn toàn bộ án phí DSST cho chị V T K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của đương sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Chà theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về xác định tư cách của các đương sự: Căn cứ vào Điều 68 của Bộ luật dân sự xác định chị V T K là nguyên đơn, anh H A D là bị đơn.

[3] Bị đơn anh H A D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Chị V T K có mặt tại phiên tòa. Vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh H A D theo quy định của pháp luật.

*** Về nội dung vụ án:**

[4] *Xét quan hệ hôn nhân:* Cuộc hôn nhân giữa chị V T K và anh H A D là hôn nhân hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở tự nguyện. Sau khi về chung sống rồi đăng ký kết hôn với nhau, anh chị chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2014 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh D chơi bời đua đòi lao vào con đường nghiện chất ma túy, hàng ngày không chịu khó lao động sản xuất chỉ chơi bời về nhà chửi bới vợ con, trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày giữa vợ chồng, đã xảy ra nhiều bất hòa không thể tháo gỡ được. Hội đồng xét xử xét thấy điều đó đã thể hiện tình cảm giữa chị K và anh D không còn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị K có đơn xin ly hôn với anh D. Vì vậy Hội đồng xét xử cần xử cho chị K được ly hôn với anh D là phù hợp theo quy định tại Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Về con chung:* Anh, chị có 02 con chung là cháu H Đ N sinh ngày 15/11/2011 và cháu H T K L sinh ngày 28/8/2014. Sau khi ly hôn chị K có nguyện vọng muốn được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 cháu Nhân và Linh cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con cùng với chị. Anh H A D nếu ly hôn anh có nguyện vọng muốn được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu Nhân còn cháu Linh giao cho chị K trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành không bên nào cấp dưỡng nuôi con cùng bên nào.

Tuy nhiên cần xét nguyện vọng của các cháu H Đ N và hoàn cảnh của chị K và D hiện tại. Từ ngày anh D nghiện chất ma túy mọi chi phí sinh hoạt hàng ngày của hai đứa con là do một mình chị K tự lo. Từ ngày nghiện chất ma túy anh D không còn

quan tâm đến cuộc sống của các con, anh không có một tài sản gì để chi trả cho chi phí sinh hoạt hàng ngày của các con. Từ ngày chị K đưa các con về nhà bố mẹ chị K sinh sống cho đến nay anh D không đưa cho chị K một tài sản gì để lo cuộc sống cho các con. Từ những phân tích trên đủ khẳng định hiện tại anh D chưa có đủ điều kiện để nuôi con, do đó áp dụng các Điều 58; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, giao các cháu H Đ N sinh ngày 15/11/2011 và cháu H T K L sinh ngày 28/8/2014 cho chị V T K trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành anh H A D không phải cấp dưỡng nuôi con cùng với chị K.

Anh H A D được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu cầu.

[6] *Về tài sản chung và công nợ*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[7] *Về án phí*: Chị V T K là dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của chính phủ. Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội, miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị K.

[8] Ý kiến quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án và lời trình bày quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 58; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V T K.

1. Về hôn nhân: Chị V T K được ly hôn với anh H A D.

2. Về con chung: Giao các cháu H Đ N sinh ngày 15/11/2011 và cháu H T K L sinh ngày 28/8/2014 cho chị V T K trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành. Anh H A D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh H A D được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu cầu.

3. Về tài sản và công nợ: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội, miễn toàn bộ án phí DSST cho chị V T K.

Áp dụng Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Chị V T K, có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/10/2019). Anh H A D vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện MC;
- Chi cục THADS huyện MC;
- TA tỉnh Điện Biên;
- UBND xã M T H;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lò Văn Dinh